TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH K**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày: 20/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Ngọc Giàu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 9 năm 2023 đối với:

* **Bị cáo**: Thị Bích L, sinh ngày 25/7/1994, huyện G, tỉnh K; Nơi đăng ký thường trú: Khóm 3, thị trấn N, huyện N, tỉnh C; Nơi cư trú: Tổ 6, ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K. Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh H, sinh năm 1965 và bà Thị Kim X, sinh năm 1964; Chồng là Lê Văn L1, sinh năm 1991; Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/5/2023 (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại**: **Biện Thị Bảo N**, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện A, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 15 giờ ngày 03/3/2023, Thị Bích L điều khiển xe mô tô loại xe WAVE RSX, màu vàng đen, biển kiểm soát 69M1-202.25 đi từ nhà trọ ở khu phố 3, thị trấn T, huyện A, tỉnh K đến nhà may "Nguyên" ở khu dân cư Tr, thuộc khu phố 2, thị trấn T để lấy áo khoác gửi sửa trước đó. Khi đi L đội mũ bảo hiểm loại nón lưỡi trai màu vàng, mặc áo khoát dài tay màu đỏ, đeo khẩu trang vải, khi L đến tiệm may cũng vừa lúc chị Biện Thị Bảo N điều khiển mô tô hiệu VISON đến nhà may để lấy đồ gửi sửa. L đậu xe cạnh với xe của chị N, cả hai đi vào trong, lúc này chủ tiệm lấy đồ giao cho L trước, lấy đồ xong L ra lấy xe về thì nhìn thấy bên xe của chị N có treo một túi xách bằng nhựa màu đen có chữ "TRAVEL" bên trong túi có đựng mỹ phẩm và một số đồ dùng cá nhân, nhìn thấy chiếc túi có kiểu dáng đẹp, L nảy sinh ý định lấy trộm chiếc túi, lợi dụng lúc không ai để ý L lấy túi xách treo sang xe của mình rồi điều khiển xe về nhà. Sau khi lấy đồ xong, chị N ra xe về thì phát hiện bị mất trộm chiếc túi xách nên đã nhờ chủ tiệm cho xem lại camera thì phát hiện L là người đã lấy trộm túi xách. Sau đó, chị N đã đến Công an thị trấn T trình báo vụ việc.

Sau khi lấy trộm tài sản của chị N, L đem về phòng trọ mở ra kiểm tra bên trong túi xách thấy có mỹ phẩm các loại đã qua sử dụng; 01 bộ trang sức bằng bạc gồm có: 01 sợi dây chuyền kiểu có mặt hình trái châu đính các hạt màu trắng, 01 đôi bông tai mặt hình vuông có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc nhẫn tròn có mặt hình tròn có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc vòng kiểu có nhiều trái châu lớn nhỏ xâu lại với nhau và tiền Việt Nam 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), kiểm tra xong L mang toàn bộ tài sản lấy trộm được đi cất giấu.

Khi cơ quan Công an mời làm việc, Thị Bích L đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp lại toàn bộ tài sản đã lấy trộm.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐG ngày 13/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: Số tài sản mà Thị Bích L trộm cắp có giá trị là 399.000 đồng *(Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng)*.

Tại bản Cáo trạng số: 55/CT-VKS-AM ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K truy tố bị cáo Thị Bích L đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Thị Bích L từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 túi xách bằng nhựa màu đen có chữ "TRAVEL" bên trong có mỹ phẩm các loại đã qua sử dụng; 01 bộ trang sức bằng bạc gồm có: 01 sợi dây chuyền kiểu có mặt hình trái châu đính các hạt màu trắng, 01 đôi bông tai mặt hình vuông có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc nhẫn tròn có mặt hình tròn có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc vòng kiểu có nhiều trái châu lớn nhỏ xâu lại với nhau và tiền Việt Nam 2.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành công tác giám định, định giá tài sản, đã trả lại cho người bị hại là chị Biện Thị Bảo N nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai, loại nón nữ màu vàng đã qua sử dụng; 01 áo khoác nữ dài tay màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo đã trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng Viện kiểm sát đã nêu. Bị cáo thống nhất với quan điểm luận tội của Đại diện Viện

kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời và chăm sóc 02 con nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của bị hại Biện Thị Bảo N. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ của Biện Thị Bảo N nên sự vắng mặt của bị hại Như không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Khoảng hơn 15 giờ ngày 03/3/2023, tại khu phố 2, thị trấn T, huyện A, tỉnh K, bị cáo Thị Bích L đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 túi xách bằng nhựa bên trong túi có đựng mỹ phẩm các loại đã qua sử dụng; 01 bộ trang sức bằng bạc gồm có: (01 sợi dây chuyền, 01 đôi bông tai, 01 chiếc nhẫn, 01 chiếc vòng) và số tiền 2.000.000 đồng của người bị hại là chị Biện Thị Bảo N. Sau đó, hành vi của bị cáo L bị phát hiện.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐG ngày 13/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A kết luận: Số tài sản mà Thị Bích L trộm cắp có giá trị là 399.000 đồng *(Ba trăm chín mươi chín nghìn đồng)*. Và số tiền bị cáo trộm cắp sau khi thu giữ là 2.000.000 đồng tiền Việt Nam *(gồm 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 02 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 06 tờ mệnh giá 100.000 đồng)*. Tài sản mà bị cáo L trộm cắp có tổng giá trị là 2.339.000 đồng

Bị cáo xác định đã lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc bảo vệ tài sản nên đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Tài sản mà bị cáo L trộm cắp có tổng giá trị là 2.339.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích chiếm đoạt bằng được tài sản của người khác để phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một cách liều lĩnh, xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo gây ra làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương và gây lo ngại trong nhân dân. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại có đơn xin bãi cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xét thấy hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt: không có tiền án, tiền sự và sau khi xem xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội nhưng vẫn có tác dụng phòng ngừa chung.

[4] Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, hiện đang nội trợ và nuôi 04 con nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Ý kiến luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều khoản truy tố, mức hình phạt và tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về vật chứng:

Đối với 01 túi xách bằng nhựa màu đen có chữ “TRAVEL” bên trong có mỹ phẩm các loại đã qua sử dụng; 01 bộ trang sức bằng bạc gồm có: 01 sợi dây chuyền kiểu có mặt hình trái châu đính các hạt màu trắng, 01 đôi bông tai mặt hình vuông có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc nhẫn tròn có mặt hình tròn có đính các hạt màu trắng, 01 chiếc vòng kiểu có nhiều trái châu lớn nhỏ xâu lại với nhau và tiền Việt Nam 2.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành công tác giám định, định giá tài sản, đã trả lại cho người bị hại là chị Biện Thị Bảo N nên không đặt

ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai, loại nón nữ màu vàng đã qua sử dụng; 01 áo khoác nữ dài tay màu đỏ, đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo đã trả lại cho bị cáo nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Thị Bích L phạm tội: *"Trộm cắp tài sản"*.

- Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giữ giam, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Uỷ ban nhân dân xã Đ nhận được Bản án, Quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Thị Bích L. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao Ủy ban nhân dân xã Đ nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp Ủy ban nhân xã Đ giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian chấp hành án, bị cáo phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Bị cáo Thị Bích L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 20/9/2023)*. Riêng đối bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh K;
- TAND tỉnh K;
- Công an huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã Đ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU